

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2017/DS-ST**

Ngày: 18/8/2017

V/v “**Tranh chấp hợp đồng góp hội**”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Phụng**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Tư**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thảo Lan**, cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong các ngày 16 và 18 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện
Cai Lay xét xử công khai vụ án thụ lý số 201/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017
về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hội**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 100/2017/QĐXXST-DS ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TS, xã N, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TS, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:
Bà làm chủ nhiều dây hội, chị Nguyễn Thị Hồng T tham gia như sau:

Dây 1: Hội 10.000.000 đồng khai ngày 10/9^{al}/2015, hai tháng khai một lần,
hội gồm 16 phần, chị T tham gia 2 phần, đến lần khai thứ 6 thì chị T đã hốt hết
hai phần hội trên:

Phần thứ nhất bà giao số tiền 87.600.000 đồng.

Phần thứ hai bà giao số tiền 110.700.000 đồng.

Chị T còn nợ lại 14 kỳ hội chết là 200.000.000 đồng.

Dây 2: Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 10/3^{al}/2016, một tháng khai một lần,
hội gồm 20 phần, chị T tham gia 1 phần, đến lần thứ 6 chị T hốt với số tiền giao
là 76.750.000 đồng, còn nợ lại 14 kỳ hội chết là 70.000.000 đồng.

Dây 3: Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 30/9^{al}/2014, hai tháng khai một lần,
hội gồm 18 phần, chị T tham gia 1 phần, đến lần thứ 12 thì chị T hốt và bà giao
số tiền 57.750.000 đồng, còn nợ lại 6 kỳ với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị T còn tham gia dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày
30/5^{al}/2016, hai tháng khai một lần, hội gồm 18 phần, chị T tham gia 1 phần, chị
T đóng được 2 lần hội sống với số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền sau khi khấu trừ 10.000.000 đồng hội sống thì chị T còn
nợ bà N số tiền hội chết là 290.000.000 đồng, nên bà yêu cầu chị T trả số tiền nợ
trên.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2017, chị Nguyễn Thị Hồng T thống nhất việc có tham gia chơi hụi tất cả 4 dây do bà N làm chủ, nhưng chị cho rằng chỉ hốt một dây khui vào ngày 30/9^{al}/2014 và nợ lại bà N số tiền 30.000.000 đồng hụi chết. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 10/9^{al}/2015, chị tham gia 2 phần và đã đóng được 6 kỳ hụi sống là 120.000.000 đồng, dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10/3^{al}/2016, chị có tham gia 1 phần và đã đóng được 6 kỳ hụi sống là 30.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30/5^{al}/2016 chị có tham gia một phần và đóng được 2 kỳ hụi sống là 10.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng đối với 3 dây hụi trên là 15.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền hụi chết thì bà N còn nợ lại cho số tiền 115.000.000 đồng, chị yêu cầu bà N hoàn tiền hụi sống lại cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy: Bà Huỳnh Thị N và chị Nguyễn Thị Hồng T có lời trình bày thống nhất về việc bà N làm chủ, chị T có tham gia tổng cộng 4 dây hụi. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà N thì chị T đã hốt ba dây hụi, chỉ còn một dây hụi sống và còn nợ lại số tiền, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 10/9^{al}/2015, hai tháng mở một lần, hụi gồm 16 phần, chị T tham gia 2 phần, chị T đã hốt lần thứ 3 vào ngày 10/01^{al}/2016 với số tiền kêu là 3.950.000 đồng, bà N đã giao cho chị T số tiền 87.600.000 đồng và lần thứ 6 vào ngày 10/7^{al}/2016, với số tiền kêu 2.700.000 đồng, bà N giao chị T số tiền 110.700.000 đồng. Sau khi hốt chị T còn nợ lại 10 kỳ hụi chết, mỗi kỳ hai phần là 200.000.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà N đã đóng choàng cho chị T được 6 kỳ với số tiền 120.000.000 đồng, còn lại 4 kỳ chưa đến hạn đóng.

Dây 2: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/3^{al}/2016, một tháng khui một lần, hụi gồm 20 phần, chị T tham gia 1 phần, đến lần thứ 5 vào tháng 7^{al}/2016 chị T hốt với số tiền kêu 1.050.000 đồng, bà N giao đủ số tiền 76.750.000 đồng. Sau khi hốt, chị T đóng được một kỳ hụi chết, còn nợ lại 14 kỳ chưa đóng với số tiền 70.000.000 đồng. Dây hụi này, bà N đã đóng choàng cho chị T được 10 kỳ là 50.000.000 đồng, còn lại 4 kỳ chưa đến hạn.

Dây 3: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 30/9^{al}/2014, hai tháng khui một lần, hụi gồm 18 phần, chị T tham gia 1 phần, đến lần thứ 12 thì chị T hốt với số tiền kêu 2.250.000 đồng, bà N giao số tiền 57.750.000 đồng. Sau khi hốt, chị T chưa đóng được một kỳ hụi chết nào, còn nợ lại 6 kỳ với số tiền 30.000.000 đồng. Dây hụi này, bà N đã đóng choàng cho chị T được 4 kỳ là 20.000.000 đồng, còn lại 2 kỳ chưa đến hạn.

Riêng đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 30/5^{al}/2016, hai tháng khui một lần, hụi gồm 18 phần, chị T tham gia 1 phần, chị T đóng được 2 lần hụi sống với số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền chị T còn nợ hụi chết sau khi khấu trừ 10.000.000 đồng tiền hụi sống là 290.000.000 đồng nên bà N yêu cầu chị T phải trả ngay số tiền hụi chết mà bà đã đóng choàng là 190.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng do chưa đến hạn nên bà yêu cầu chị T trả mỗi tháng 15.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ khi làm chủ hụi bà N có lập sổ

hội, có ghi tên hội viên, ngày tháng và số tiền hót hội, sau khi đối chiếu sổ sách với lời trình bày của các đương sự và những thành viên tham gia hội, Hội đồng xét xử xác định chị T có hót ba dây hội và còn nợ lại bà N số tiền 300.000.000 đồng, chị T có đóng được 2 phần hội sống là 10.000.000 đồng, sau khi khấu trừ thì chị T còn nợ bà N số tiền 290.000.000 đồng. Do bà N đã đóng choàng hội cho chị T số tiền 190.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả ngay một lần là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng thì thời hạn đóng hội chưa đến nên bà N yêu cầu chị T trả mỗi tháng 15.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho chị T nên được ghi nhận.

[2] Bị đơn chị T thừa nhận chị đã hót một dây hội ngày 30/9^{al}/2014 và còn nợ lại bà N số tiền 30.000.000 đồng, đối với 3 dây hội còn lại thì chị xác định là chưa hót, cụ thể dây hội 10.000.000 đồng mở ngày 10/9^{al}/2016, chị đóng được 6 kỳ với số tiền 120.000.000 đồng, dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 10/3^{al}/2016 chị đóng được 14 kỳ với số tiền 70.000.000 đồng và dây hội 5.000.000 đồng ngày 30/5^{al}/2016 chị đóng được 2 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng, sau khi trừ 30.000.000 đồng nợ hội và hoa hồng thì bà N còn nợ lại chị số tiền 115.000.000 đồng, nhưng chị không có yêu cầu phản tố buộc bà N trả số tiền trên vì không có tiền nộp tạm ứng án phí. Xét thấy lời trình bày của chị T là không có căn cứ, bởi vì theo chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của chị T đã xác định chị có tham gia và hót những phần hội do bà N trình bày, chị T còn ký tên vào một tờ giấy không ghi ngày tháng năm nhưng chị xác nhận tới định kỳ khai hội thì sẽ đóng hội chết đối với: “Hai chân hội 10.000.000 đồng, hội 5 triệu 2 tháng ngày 30, hội 5 triệu 1 tháng ngày 10 và hội 5 triệu sống ngày 30”. Điều này chứng tỏ lời trình bày của bà N là thống nhất và lời khai của chị T không trung thực, không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và sự thật khách quan của vụ án.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 290.000.000 (Hai trăm chín mươi triệu) đồng, thời hạn trả thực hiện như sau:

Khi bản án có hiệu lực pháp luật trả số tiền 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu) đồng.

Đến ngày 01 tháng 10 năm 2017 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2017 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 01 năm 2018 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 02 năm 2018 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 3 năm 2018 trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 01 tháng 4 năm 2018 trả số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hồng T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự về chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 14.500.000 (Mười bốn triệu, năm trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền 7.250.000 (Bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14475 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phượng